TRƯỜNG ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP

TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM

Môn học: **WSH428**

Thực tập chuyên ngành

BẢNG ĐIỂM THỰC TẬP
TRUNG TÂM THỰC NGHIỆM

Học Kỳ I năm học 2016-2017

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	ĐL	TB	Trung Bình	Xét	Ghi chú
1	K145510301126	Ngô Tuấn	Anh	01/08/96	112114472	7	6	**6.5**	Đạt	
2	K145510301065	Cấn Nhật	Ân	22/09/95	112114472	7	6	**6.5**	Đạt	
3	K145510301125	Vũ Hùng	Ban	03/08/95	112114472	8	6	**7.0**	Đạt	
4	K145510301067	Phạm Trọng	Bằng	22/05/95	112114472	7	6	**6.5**	Đạt	
5	K145510301073	Nguyễn Minh	Chính	27/12/96	112114472	9	6	**7.5**	Đạt	
6	K145510301068	Diêm Minh	Công	20/11/96	112114472	7	6	**6.5**	Đạt	
7	K145510301071	Nguyễn Văn	Cường	15/11/94	112114472	7	6	**6.5**	Đạt	
8	K145510301077	Nguyễn Văn	Duệ	28/03/96	112114472	6	6	**6.0**	Đạt	
9	K145510301034	Đặng Thị	Dung	02/07/95	112114471	6	6	**6.0**	Đạt	
10	K145510301075	Sầm Văn	Dũng	29/06/96	112114472	6	6	**6.0**	Đạt	
11	K145510301076	Nông Quang	Dự	17/09/96	112114472	7	6	**6.5**	Đạt	
12	K145510301074	Nguyễn Hữu	Dương	02/07/95	112114472	7	6	**6.5**	Đạt	
13	K145510301066	Hoàng Mạnh	Đạt	03/01/96	112114472	9	6	**7.5**	Đạt	
14	K145510301079	Ngọ Công	Duy	14/06/96	112114472	9	6	**7.5**	Đạt	
15	K145510301078	Trần Văn	Duy	11/02/94	112114472	7	6	**6.5**	Đạt	
16	K145510301080	Vũ Hải	Hà	22/01/94	112114472	7	6	**6.5**	Đạt	
17	K145510301118	Trần Văn	Hậu	14/07/96	112114472	7	6	**6.5**	Đạt	
18	K145510301123	Bùi Khắc	Hiệp	27/03/95	112114472	8	6	**7.0**	Đạt	
19	K145510301086	Đỗ Danh	Hiệp	31/07/96	112114472	8	6	**7.0**	Đạt	
20	K145510301083	Nguyễn Văn	Hiệp	14/01/96	112114472	8	6	**7.0**	Đạt	
21	K145510301084	Nguyễn Văn	Hiệp	04/03/95	112114472	8	6	**7.0**	Đạt	
22	K145510301085	Trần Xuân	Hiệp	13/05/96	112114472	8	6	**7.0**	Đạt	
23	K145510301082	Thân Văn	Hinh	10/07/96	112114472	7	6	**6.5**	Đạt	
24	K145510301091	Nông Thị	Hoa	29/05/95	112114472	8	6	**7.0**	Đạt	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	ĐL	TB	Trung Bình	Xét	Ghi chú
25	K145510301090	Hoàng Minh	Hoàng	30/08/95	112114472	8	6	**7.0**	Đạt	
26	K145510301089	Trần Huy	Hoàng	21/11/95	112114472	8	6	**7.0**	Đạt	
27	K145510301088	Trương Văn	Hoàng	17/06/96	112114472	7	6	**6.5**	Đạt	
28	K145510301081	Phạm Đỗ Việt	Hùng	21/09/96	112114472	7	6	**6.5**	Đạt	
29	K145510301092	Phạm Quang	Huy	15/10/96	112114472	6	7	**6.5**	Đạt	
30	K145510301093	Vũ Công	Huy	28/12/96	112114472	7	7	**7.0**	Đạt	
31	K145510301096	Nguyễn Thị	Huyền	07/04/96	112114472	7	7	**7.0**	Đạt	
32	K145510301095	Trần Văn	Huynh	18/05/96	112114472	7	7	**7.0**	Đạt	
33	K145510301120	Lê Văn	Hưng	25/01/95	112114472	6	7	**6.5**	Đạt	
34	K145510301087	Trần Duy	Hưng	25/05/95	112114472	7	7	**7.0**	Đạt	
35	K145510301098	Phạm Quang	Khải	23/04/96	112114472	8	7	**7.5**	Đạt	
36	K145510301097	Ma Thúc	Kháng	30/06/96	112114472	7	8	**7.5**	Đạt	
37	K145510301099	Phùng Thị	Lan	01/04/96	112114472	7	8	**7.5**	Đạt	
38	K145510301129	Mai Ngọc	Lâm	04/09/96	112114472	7	8	**7.5**	Đạt	
39	K145510301121	Tạ Văn	Nghiệp	06/10/96	112114472	7	8	**7.5**	Đạt	
40	K145510301102	Nông Ngọc	Quyến	18/10/96	112114472	7	8	**7.5**	Đạt	
41	K145510301103	Phạm Khắc	Quyết	17/09/96	112114472	7	8	**7.5**	Đạt	
42	K145510301104	Trương Hoài	Sơn	02/10/96	112114472	7	8	**7.5**	Đạt	
43	K145510301106	Phạm Tiến	Tài	28/04/96	112114472	7	6	**6.5**	Đạt	
44	K145510301110	Lục Văn	Thạo	17/09/96	112114472	7	7	**7.0**	Đạt	
45	K145510301112	Nguyễn Đức	Thiện	29/06/96	112114472	7	7	**7.0**	Đạt	
46	DTK1151020043	Hoàng Văn	Thịnh	18/01/93	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
47	K145510301113	Vũ Thị Huyền	Trang	18/05/96	112114472	7	7	**7.0**	Đạt	
48	K145510301108	Nguyễn Anh	Tuấn	01/10/95	112114472	6	7	**6.5**	Đạt	
49	DTK1151020055	Nguyễn Mạnh	Tuấn	22/01/92	112114471	6	8	**7.0**	Đạt	
50	K145510301119	Thân Văn	Vĩ	06/06/96	112114472	7	7	**7.0**	Đạt	
51	K145510301115	Mai Tuấn	Việt	18/02/96	112114472	7	7	**7.0**	Đạt	
52	K145510301117	Nguyễn Đức	Việt	05/05/96	112114472	7	7	**7.0**	Đạt	
53	K145510301116	Nguyễn Trọng	Việt	01/03/96	112114472	7	7	**7.0**	Đạt	
54	DTK1151020057	Vũ Quang	Vinh	17/06/93	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	ĐL	TB	Trung Bình	Xét	Ghi chú
55	K145510301001	Hoàng Tuấn	An	14/07/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
56	K145510301028	Hoàng Trọng	Anh	20/10/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
57	K145510301002	Vũ Ngọc	Chinh	31/10/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
58	K145510301035	Đào Đức	Công	22/01/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
59	K145510301027	Nguyễn Văn	Dũng	14/12/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
60	K145510301003	Hà Ngọc	Duy	06/12/95	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
61	K145510301026	Dương Ngô	Điệp	30/09/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
62	K145510301054	Nguyễn Phương	Đông	20/08/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
63	K145510301029	Nguyễn Thị Thu	Hà	09/12/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
64	K145510301006	Giáp Thị Hồng	Hạnh	22/04/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
65	K145510301024	Nguyễn Hữu	Hằng	27/01/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
66	K145510301059	Vi Việt	Hiếu	27/03/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
67	K145510301114	Nguyễn Danh	Vương	19/09/96	112114472	8	8	**8.0**	Đạt	
68	K145510301058	Hà Văn	Hoàn	11/11/95	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
69	K145510301032	Nguyễn Huy	Hoàng	26/07/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
70	K145510301040	Nguyễn Huy	Hoàng	05/06/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
71	K145510301007	Nguyễn Hữu	Hoàng	24/04/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
72	K145510301052	Nguyễn Quy	Hoàng	10/10/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
73	K145510301030	Trần Quốc	Hoàng	16/09/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
74	K145510301055	Nguyễn Việt	Hùng	17/05/95	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
75	K145510301005	Nguyễn Thị	Hương	22/07/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
76	K145510301009	Nguyễn An	Khang	22/11/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
77	K145510301062	Phạm Việt	Khanh	21/11/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
78	K145510301033	Đặng Văn	Kiên	30/01/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
79	K145510301010	Hoàng Văn	Lâm	30/04/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
80	K145510301057	Nguyễn Minh	Long	21/10/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
81	K145510301038	Phạm Hùng	Mạnh	05/09/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
82	K145510301025	Trần Văn	Minh	06/02/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
83	K145510301012	Bùi Duy	Nghĩa	09/11/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
84	K145510301051	Phạm Đình	Nghĩa	02/04/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Lớp	ĐL	TB	Trung Bình	Xét	Ghi chú
85	K145510301037	Nguyễn Thành	Nhơn	26/09/96	112114471	7	B	**3.5**	Không đạt	Thiếu ban
86	K145510301047	Nguyễn Thị	Nụ	26/02/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
87	K145510301031	Dương Văn	Quân	07/11/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
88	K145510301039	Trần Xuân	Sang	09/11/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
89	K145510301018	Đặng Công	Thành	30/10/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
90	K145510301044	Nguyễn Ngọc	Trung	10/09/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
91	K145510301017	Lương Văn	Tuấn	09/12/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
92	K145510301023	Nguyễn Hà Minh	Tuấn	27/01/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
93	K145510301036	Nguyễn Văn	Tuấn	26/09/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
94	K145510301050	Vũ Ngọc	Tuấn	22/05/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
95	K145510301056	Nguyễn Văn	Tùng	20/01/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
96	K145510301046	Nguyễn Quang	Vũ	09/03/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
97	K145510301021	Nguyễn Tiến	Vũ	27/09/96	112114471	7	6	**6.5**	Đạt	
98	K145510301042	Đặng Văn	Xuân	09/04/96	112114471	7	7	**7.0**	Đạt	
99	K145510301022	Là Văn	Yêu	10/07/95	112114471	7	6	**6.5**	Đạt	

Ấn định danh sách: 99 SV